

Số: 378/QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Chương trình đào tạo Thạc sĩ Luật Kinh tế theo định hướng nghiên cứu thuộc Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-ĐHH ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-ĐHH ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Luật;

Xét đề nghị của Ông (bà) Trưởng phòng KHCN-MT-HTQT, Trường Khoa Luật Kinh tế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo Thạc sĩ Luật Kinh tế (điều chỉnh) theo định hướng nghiên cứu thuộc Trường Đại học Luật, Đại học Huế:

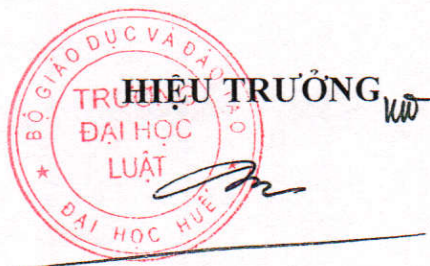
*(Chương trình đào tạo điều chỉnh kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng KHCN-MT-HTQT, Trưởng phòng Đào tạo, Trường Khoa Luật Kinh tế, Trưởng các đơn vị có liên quan và học viên Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT-ĐBCLGD;



**Đoàn Đức Lương**



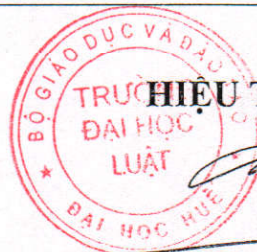
**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ  
THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

(Ban hành kèm theo quyết định số: 378/QĐ-ĐHL ngày 20 tháng 8 năm 2019)

| Số TT    | Mã học phần  | Tên học phần                                              | Số TC     | Dự kiến kế hoạch |
|----------|--------------|-----------------------------------------------------------|-----------|------------------|
| <b>A</b> |              | <b>PHẦN KIẾN THỨC CHUNG (Bắt buộc)</b>                    | <b>6</b>  |                  |
| 1        | CTR.NC1013   | Triết học                                                 | 4         | HK1              |
| 2        | LKT.NC1012   | Phương pháp NCKH Luật                                     | 2         | HK1              |
| <b>B</b> |              | <b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>                         |           |                  |
|          |              | <b>* Học phần cơ sở ngành bắt buộc</b>                    | <b>10</b> |                  |
| 3        | LKT.NC1013   | Luật Thương mại chuyên sâu                                | 3         | HK1              |
| 4        | LKT.NC1023   | Luật Dân sự chuyên sâu                                    | 3         | HK1              |
| 5        | LKT.NC1022   | Pháp luật lao động chuyên sâu                             | 2         | HK1              |
| 6        | LKT.NC2012   | Quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế                   | 2         | HK2              |
|          |              | <b>* Học phần cơ sở ngành tự chọn (chọn 4/10 tín chỉ)</b> | <b>4</b>  |                  |
| 7        | LKT.NC2022   | Pháp luật tài chính công                                  | 2         | HK2              |
| 8        | LKT.NC1032   | Giải quyết tranh chấp thương mại                          | 2         | HK1              |
| 9        | LKT.NC2032   | Pháp luật mua bán hàng hóa quốc tế                        | 2         | HK2              |
| 10       | LKT.NC2042   | Pháp luật sở hữu trí tuệ trong kinh doanh                 | 2         | HK2              |
| 11       | LKT.NC512093 | Pháp luật tổ tụng dân sự trong kinh doanh thương mại      | 2         | HK2              |
| <b>C</b> |              | <b>PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>                        |           |                  |
|          |              | <b>* Phần kiến thức bắt buộc</b>                          | <b>10</b> |                  |
| 12       | LKT.NC2052   | Pháp luật hợp đồng trong kinh doanh                       | 2         | HK2              |
| 13       | LKT.NC2062   | Pháp luật về quản trị công ty                             | 2         | HK2              |
| 14       | LKT.NC2072   | Pháp luật cạnh tranh chuyên sâu                           | 2         | HK2              |
| 15       | LKT.NC512095 | Pháp luật về kiểm tra hải quan                            | 2         | HK3              |
| 16       | LKT.NC2082   | Pháp luật về kinh doanh ngân hàng                         | 2         | HK2              |
|          |              | <b>* Kiến thức tự chọn (chọn 12/30 tín chỉ)</b>           | <b>12</b> |                  |



|          |              |                                                                     |           |     |
|----------|--------------|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----|
| 17       | LKT.NC3042   | Pháp luật về bảo vệ môi trường trong kinh doanh                     | 2         | HK3 |
| 18       | LKT.NC2092   | Pháp luật kinh doanh bất động sản                                   | 2         | HK3 |
| 19       | LKT.NC3052   | Giải quyết tranh chấp thương mại theo Luật WTO                      | 2         | HK3 |
| 20       | LKT.NC3062   | Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh                  | 2         | HK3 |
| 21       | LKT.NC3072   | Pháp luật thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ tái định cư              | 2         | HK3 |
| 22       | LKT.NC3082   | Đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế                     | 2         | HK2 |
| 23       | LKT.NC3092   | Pháp luật về thương mại điện tử                                     | 2         | HK2 |
| 24       | LKT.NC3112   | Pháp luật kinh doanh bảo hiểm                                       | 2         | HK3 |
| 25       | LKT.NC3122   | Thương mại hàng hóa, dịch vụ theo Luật WTO                          | 2         | HK3 |
| 26       | LKT.NC3142   | Pháp luật kinh doanh chứng khoán                                    | 2         | HK3 |
| 27       | LKT.NC3152   | Giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án (Alternative Dispute Resolution) | 2         | HK3 |
| 28       | LKT.NC3162   | Trách nhiệm hình sự trong hoạt động kinh doanh                      | 2         | HK2 |
| 29       | LKT.NC3172   | Pháp luật quản lý thuế                                              | 2         | HK3 |
| 30       | LKT.NC512094 | Pháp luật đất đai                                                   | 2         | HK3 |
| 31       | LKT.NC3012   | Pháp luật về giao dịch bảo đảm trong kinh doanh                     | 2         | HK3 |
| <b>D</b> |              | <b>LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SỸ</b>                                  | <b>14</b> |     |
| 32       | LKT.NC504096 | Thực tập nghề luật                                                  | 4         | HK4 |
| 33       | LUA.NC4010   | Luận văn tốt nghiệp Thạc sỹ                                         | 10        | HK4 |
| 34       | NN.NC4106    | Ngoại ngữ (theo khung NLNNQG trình độ 3/6 hoặc tương đương)         | 4         | HK4 |
|          |              | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                    | <b>60</b> |     |



**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Đoàn Đức Lương**